

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
KHOA: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (LẦN 1)**  
**Học kỳ 1, năm học 2023 - 2024**

Mã học phần: DAC0022

Tên học phần: Kế toán tài chính

Mã nhóm lớp học phần: 231\_DAC0022\_01, 02

Thời gian làm bài (phút): 75 phút

Hình thức thi: **Trắc nghiệm + Tự luận**

SV được tham khảo tài liệu: Có  (**Chỉ sử dụng tài liệu giấy**) Không

**Cách thức nộp bài phần tự luận:** Sinh viên gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 ĐIỂM): (10 câu x 0,4 điểm/câu)**

**Câu 01: Random 1 trong 2 câu dưới đây**

**Câu:** Số dư chi tiết các khoản phải thu khách hàng tại công ty A ngày 31/12/N như sau: TK 131-X (dư Nợ) 100.000.000 đồng, TK 131-Y (dư Nợ) 220.000.000 đồng, TK 131-Z (dư Có) 50.000.000 đồng. Biết các khoản trên đều có thời hạn thanh toán trong năm N+1, thông tin trên được trình bày trên BCDKT cuối tháng 12/N như thế nào?

- A. Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, mã số 131, số tiền ghi dương 320.000.000 đồng
- B. Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, mã số 131, số tiền ghi dương 270.000.000 đồng
- C. Chỉ tiêu “Phải thu dài hạn của khách hàng”, mã số 211, số tiền 270.000.000 đồng
- D. Chỉ tiêu “Phải thu dài hạn của khách hàng”, mã số 211, số tiền 320.000.000 đồng
- ANSWER: A

**Câu:**

Số dư chi tiết các khoản phải thu khách hàng tại công ty A ngày 31/12/N như sau: TK 131-X (dư Nợ) 100.000.000 đồng, TK 131-Y (dư Nợ) 220.000.000 đồng, TK 131-Z (dư Có) 50.000.000 đồng. Biết các khoản trên đều có thời hạn thanh toán trong năm N+3, thông tin trên được trình bày trên BCDKT cuối tháng 12/N như thế nào?

- A. Chỉ tiêu “Phải thu dài hạn của khách hàng”, mã số 211, số tiền 320.000.000 đồng

**B.** Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, mã số 131, số tiền ghi dương 270.000.000 đồng

**C.** Chỉ tiêu “Phải thu dài hạn của khách hàng”, mã số 211, số tiền 270.000.000 đồng

**D.** Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, mã số 131, số tiền ghi dương 320.000.000 đồng

ANSWER: A

**Câu 02: Random 1 trong 2 câu dưới đây**

**Câu:** Ngày 15/09/N, kế toán nhận được phiếu báo hỏng máy chấm công ở phân xưởng có trị giá 18.000.000 đồng, thời gian phân bổ 9 tháng bắt đầu từ tháng 03/N kèm theo phiếu thu tiền 500.000 đồng từ việc thanh lý CCDC này. Kế toán tiến hành ghi sổ:

<b>A.</b> Nợ TK 627 Nợ TK 111 Có TK 242	5.500.000 500.000 6.000.000	<b>B.</b> Nợ TK 627 Nợ TK 111 Có TK 242	17.500.000 500.000 18.000.000
<b>C.</b> Nợ TK 627 Nợ TK 111 Có TK 153	5.500.000 500.000 6.000.000	<b>D.</b> Nợ TK 627 Nợ TK 111 Có TK 153	17.500.000 500.000 18.000.000

ANSWER: A

**Câu:**

**Câu:** Ngày 15/09/N, kế toán nhận được phiếu báo hỏng máy chấm công ở phân xưởng có trị giá 18.000.000 đồng, thời gian phân bổ 9 tháng bắt đầu từ tháng 02/N kèm theo phiếu thu tiền 500.000 từ việc thanh lý CCDC này. Kế toán tiến hành ghi sổ:

<b>A.</b> Nợ TK 627 Nợ TK 111 Có TK 242	3.500.000 500.000 4.000.000	<b>B.</b> Nợ TK 627 Nợ TK 111 Có TK 242	17.500.000 500.000 18.000.000
<b>C.</b> Nợ TK 627 Nợ TK 111 Có TK 153	3.500.000 500.000 4.000.000	<b>D.</b> Nợ TK 627 Nợ TK 111 Có TK 153	17.500.000 500.000 18.000.000

ANSWER: A

**Câu 03: Random 1 trong 2 câu dưới đây**

**Câu:** Hãy xác định giá trị còn lại của thiết bị quản lý có nguyên giá là 288.000.000đ sau 8 năm 6 tháng sử dụng. Biết thời gian sử dụng của tài sản là 10 năm, tài sản này được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

- A. 43.200.000 đồng
- B. 244.800.000 đồng
- C. 57.600.000 đồng
- D. 230.400.000 đồng

ANSWER: A

**Câu:** Hãy xác định hao mòn lũy kế của một thiết bị quản lý có nguyên giá là 288.000.000đ sau 8 năm 6 tháng sử dụng. Biết thời gian sử dụng của tài sản là 12 năm, tài sản này được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

- A. 244.800.000 đồng
- B. 43.200.000 đồng
- C. 57.600.000 đồng
- D. 230.400.000 đồng

ANSWER: A

**Câu 04: Random 1 trong 2 câu dưới đây**

**Câu:** Ngày 21/12/N, công ty chuyển khoản 70.000.000 đồng cho người bán A để ứng trước tiền mua hàng trong tháng sau. Ngày 31/12/N, kế toán trình bày dữ liệu này như thế nào trên Bảng cân đối kế toán?

- A. Chỉ tiêu “Trả trước cho người bán ngắn hạn”, mã số 132, số tiền ghi dương
- B. Chỉ tiêu “Trả trước cho người bán ngắn hạn”, mã số 132, số tiền ghi âm
- C. Chỉ tiêu Phải trả người bán ngắn hạn, mã số 311, số tiền ghi dương
- D. Chỉ tiêu Phải trả người bán ngắn hạn, mã số 311, số tiền ghi âm

ANSWER: A

**Câu:**

Ngày 21/12/N, khách hàng A chuyển khoản 70.000.000 đồng để ứng trước tiền mua hàng trong tháng sau. Ngày 31/12/N, kế toán trình bày dữ liệu này như thế nào trên Bảng cân đối kế toán?

- A. Chỉ tiêu “Người mua trả tiền trước ngắn hạn”, mã số 312, số tiền ghi dương
- B. Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, mã số 131, số tiền ghi dương
- C. Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, mã số 131, số tiền ghi âm

**D.** Chỉ tiêu “Người mua trả tiền trước ngắn hạn”, mã số 312, số tiền ghi âm

ANSWER: A

**Câu 05: Random 1 trong 2 câu dưới đây**

**Câu:** Ngày 15/12/N, công ty A nhận được hóa đơn điều chỉnh giảm giá từ người bán B cho lô nguyên vật liệu mua ngày 1 với tổng số tiền giảm giá 2.200.000 đồng (bao gồm cả phần thuế GTGT giảm 10%), cần trừ vào công nợ. Biết công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, lô nguyên vật liệu trên đã được xuất dùng 1 nửa để sản xuất sản phẩm và 1 nửa hiện vẫn còn tồn kho. Kế toán công ty A sẽ định khoản tại ngày 15/12/N:

<b>A.</b> Nợ TK 331      2.200.000 Có TK 152          1.000.000 Có TK 621          1.000.000 Có TK 1331          200.000	<b>B.</b> Nợ TK 331      2.200.000 Có TK 152          2.000.000 Có TK 1331          200.000
<b>C.</b> Nợ TK 521      2.000.000 Nợ TK 3331      200.000 Có TK 131          2.000.000	<b>D.</b> Nợ TK 331      2.200.000 Có TK 621          2.000.000 Có TK 1331          200.000

ANSWER: A

**Câu:** Ngày 15/12/N, công ty A nhận được hóa đơn điều chỉnh giảm giá từ người bán B cho lô nguyên vật liệu mua ngày 1 với tổng số tiền giảm giá 2.200.000 đồng (bao gồm cả phần thuế GTGT giảm 10%), cần trừ vào công nợ. Biết công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, lô nguyên vật liệu trên đã được xuất dùng 1 nửa để sản xuất sản phẩm và 1 nửa hiện vẫn còn tồn kho. Kế toán công ty B sẽ định khoản tại ngày 15/12/N:

<b>A.</b> Nợ TK 521      2.000.000 Nợ TK 3331      200.000 Có TK 131          2.000.000	<b>B.</b> Nợ TK 331      2.200.000 Có TK 152          2.000.000 Có TK 1331          200.000
<b>C.</b> Nợ TK 331      2.200.000 Có TK 152          1.000.000 Có TK 621          1.000.000 Có TK 1331          200.000	<b>D.</b> Nợ TK 331      2.200.000 Có TK 621          2.000.000 Có TK 1331          200.000

ANSWER: A

**Câu 06: Random 1 trong 2 câu dưới đây**

**Câu:** Ngày 01/09/N, công ty M chuyển khoản 33.000.000 đồng để mua 3 tờ kỳ phiếu có thời hạn 12 tháng, mệnh giá 10.000.000đ, lãi suất 12%/năm, lãi nhận sau 6 tháng/lần, biết số kỳ phiếu này nắm giữ nhằm mục đích thương mại. Kế toán định khoản:

<b>A.</b> Nợ TK 1212      33.000.000 Có TK 112      33.000.000	<b>B.</b> Nợ TK 1281      30.000.000 Có TK 112      30.000.000
<b>C.</b> Nợ TK 1212      30.000.000 Có TK 112      30.000.000	<b>D.</b> Nợ TK 1281      30.000.000 Có TK 112      30.000.000

ANSWER: A

**Câu:** Ngày 01/09/N, công ty M chuyển khoản mua 100 trái phiếu do công ty B phát hành với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn, mệnh giá 1.000.000đ/trái phiếu, giá phát hành 950.000đ/trái phiếu, kỳ hạn 3 năm, lãi suất 12%/năm, lãnh lãi khi đáo hạn. Kế toán định khoản:

<b>A.</b> Nợ TK 1282      95.000.000 Có TK 112      95.000.000	<b>B.</b> Nợ TK 1212      95.000.000 Có TK 112      95.000.000
<b>C.</b> Nợ TK 1282      100.000.000 Có TK 112      100.000.000	<b>D.</b> Nợ TK 1212      100.000.000 Có TK 112      100.000.000

ANSWER: A

**Câu 07: Random 1 trong 2 câu dưới đây****Câu:**

Ngày 01/10/N, công ty E phát hành thêm 100.000 cổ phiếu phổ thông để huy động vốn với giá phát hành 9.000 đồng/cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, đã nhận được giấy báo Có của ngân hàng. Kế toán ghi nhận bút toán phát hành thêm cổ phiếu như sau:

<b>A.</b> Nợ TK 1121      900.000.000 Nợ TK 4112      100.000.000 Có TK 4111      1.000.000.000	<b>B.</b> Nợ TK 1121      900.000.000 Có TK 4111      900.000.000
<b>C.</b> Nợ TK 1121      1.000.000.000	<b>D.</b> Nợ TK 1121      1.000.000.000

Có TK 4111	1.000.000.000	Có TK 4111	900.000.000
		Có TK 4112	100.000.000

ANSWER: A

**Câu:** Ngày 01/10/N, công ty E phát hành thêm 100.000 cổ phiếu phổ thông để huy động vốn với giá phát hành 11.000 đồng/cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, đã nhận được giấy báo Có của ngân hàng. Kế toán ghi nhận bút toán phát hành thêm cổ phiếu như sau:

<b>A.</b> Nợ TK 1121	1.100.000.000	<b>B.</b> Nợ TK 1121	1.100.000.000
Có TK 4111	1.000.000.000	Có TK 4111	1.100.000.000
Có TK 4112	100.000.000		
<b>C.</b> Nợ TK 1121	1.000.000.000	<b>D.</b> Nợ TK 1121	1.000.000.000
Có TK 4111	1.000.000.000	Nợ TK 4112	100.000.000
		Có TK 4111	1.100.000.000

ANSWER: A

**Câu 08:** *Random 1 trong 2 câu dưới đây*

**Câu:** Chi phí môi giới khi bán trái phiếu, cổ phiếu sẽ làm cho:

- A. Chi phí tài chính tăng
- B. Chi phí bán hàng tăng
- C. Giá gốc trái phiếu tăng
- D. Giá gốc trái phiếu giảm

ANSWER: A

**Câu:** Chi phí môi giới khi mua trái phiếu, cổ phiếu sẽ làm cho:

- A. Giá gốc trái phiếu tăng
- B. Chi phí bán hàng tăng
- C. Chi phí tài chính tăng
- D. Giá gốc trái phiếu giảm

ANSWER: A

**Câu 09:** *Random 1 trong 2 câu dưới đây*



**B.** Chỉ tiêu “Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết”-mã số 411a-số tiền 10.000.000.000 đồng và chỉ tiêu “Thặng dư vốn cổ phần” -mã số 412-số tiền 100.000.000 đồng

**C.** Chỉ tiêu “Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết”-mã số 411a-số tiền (10.000.000.000) đồng và chỉ tiêu “Thặng dư vốn cổ phần” -mã số 412-số tiền ghi dương 100.000.000 đồng

**D.** Chỉ tiêu “Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết”-mã số 411a-số tiền ghi âm (10.000.000.000) đồng và chỉ tiêu “Thặng dư vốn cổ phần” -mã số 412-số tiền (100.000.000) đồng

ANSWER: A

**Câu:** Công ty X vào cuối năm N có thông tin về số dư cuối kỳ các tài khoản như sau:

TK 4112 (dư Có): 100.000.000

TK 41111: 10.000.000.000 (1.000.000 cổ phiếu x 10.000 đồng/cổ phiếu)

Số dư các tài khoản trên được kế toán trình bày như thế nào trên BCDKT vào cuối năm N của công ty E?

**A.** Chỉ tiêu “Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết”-mã số 411a - số tiền 10.000.000.000 đồng và chỉ tiêu “Thặng dư vốn cổ phần” -mã số 412 - số tiền 100.000.000 đồng

**B.** Chỉ tiêu “Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết”-mã số 411a - số tiền 10.000.000.000 đồng và chỉ tiêu “Thặng dư vốn cổ phần” - mã số 412 - số tiền g (100.000.000) đồng

**C.** Chỉ tiêu “Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết” - mã số 411a-số tiền (10.000.000.000) đồng và chỉ tiêu “Thặng dư vốn cổ phần” - mã số 412-số tiền 100.000.000 đồng

**D.** Chỉ tiêu “Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết” - mã số 411a-số tiền (10.000.000.000) đồng và chỉ tiêu “Thặng dư vốn cổ phần” - mã số 412-số tiền (100.000.000) đồng

ANSWER: A

### **PHẦN TỰ LUẬN (6,0 ĐIỂM) Random 1 trong 2 câu dưới đây**

#### **Câu TL1**

Một số thông tin kế toán tại công ty cổ phần Anh Minh chuyên sản xuất, kinh doanh mặt hàng A.

**Tài liệu 1: Một số chính sách tại công ty**

- Kỳ kế toán tháng;



- Quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên;
- Tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước;
- Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng;
- Kê khai, tính thuế Giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ.

**Tài liệu 2: Số dư ngày 1/11/N của một số tài khoản như sau**

<i>Số dư</i>	<i>Thông tin có liên quan</i>
TK 152-A 55.000.000 đồng	500 kg vật liệu A x 110.000 đồng/kg
TK 2111: 1.200.000.000 đồng	Bao gồm: một dây chuyền sản xuất có thời gian sử dụng ước tính là 10 năm
TK 2141: 840.000.000 đồng	Khấu hao lũy kế của dây chuyền sản xuất tính tới ngày 1/11/N
TK 331_M: 30.000.000 đồng (Dư Nợ):	Ứng trước tiền người bán M cho hợp đồng số HDO01 về việc mua 1.000kg nguyên vật liệu A, giá mua chưa thuế GTGT là 120.000 đồng/kg, thuế suất GTGT 10%, giao hàng vào ngày 5/11/N).

- Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

**Yêu cầu:** Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong tháng 11/N.

**1.a.1. Ngày 1/11,** chuyển khoản mua một máy phát điện với giá mua chưa thuế 23.400.000 đồng, thuế suất thuế GTGT 10%, sử dụng ngay tại phân xưởng sản xuất, thời gian phân bổ hợp lý cho máy này là 18 tháng, bắt đầu từ tháng này. **(0,5 điểm)**

**1.a.2. Ngày 5/11,** nhận được toàn bộ lô nguyên vật liệu A theo hợp đồng HDO01 từ người bán M, công ty đã nhập kho đủ và chưa thanh toán số tiền còn nợ **(0,5 điểm)**

**1.a.3. Ngày 7/11,** chuyển khoản trả hết số tiền còn nợ cho người bán M sau khi được trừ 1% chiết khấu trên tổng số tiền còn nợ do thanh toán sớm. **(0,5 điểm)**

**1.a.4. Ngày 14/11,** công ty mua trả góp một thiết bị sản xuất về sử dụng được ngay với giá mua trả ngay chưa thuế GTGT là 360.000.000 đồng, thuế suất GTGT 10%, lãi trả góp không chịu thuế là 24.000.000 đồng. Công ty chuyển khoản trả trước 100.000.000 đồng, phần còn lại sẽ bắt đầu trả góp trong 18 tháng, bắt đầu từ tháng sau. Thiết bị trên có thời gian sử dụng ước tính 8 năm **(1,0 điểm)**

**1.a.5. Ngày 15/11**, công ty chuyển khoản mua 20.000 cổ phiếu của công ty Z trên thị trường chứng khoán với mục đích kinh doanh, với giá mua 25.000 đồng/cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu). Phí môi giới 0.5% trên giá mua đã thanh toán bằng tiền mặt **(1,0 điểm)**

**1.a.6. Ngày 21/11**, xuất kho 1.000 kg nguyên vật liệu A để sản xuất sản phẩm. **(0,5 điểm)**

**1.a.7. Ngày 25/11**, công ty phát hành 1.000.000 cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, giá phát hành 13.000 đồng/cổ phiếu, thu bằng chuyển khoản. Chi phí phát hành 0,2% trên giá phát hành, thanh toán bằng tiền chuyển khoản. **(1,0 điểm)**

**1.a.8. Ngày 30/11**, kế toán tiến hành trích khấu hao TSCĐ tại phân xưởng sản xuất. **(0,5 điểm)**

**1.a.9. Ngày 30/11**, kế toán phân bổ chi phí sử dụng cho công cụ nhiều kỳ. **(0,5 điểm)**

### Câu TL2

Một số thông tin kế toán tại công ty cổ phần Anh Minh chuyên sản xuất, kinh doanh mặt hàng A.

#### Tài liệu 1: Một số chính sách tại công ty

- Kỳ kế toán tháng;
- Quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên;
- Tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước;
- Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng;
- Kê khai, tính thuế Giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ.

#### Tài liệu 2: Số dư ngày 1/11/N của một số tài khoản như sau

<i>Số dư</i>	<i>Thông tin có liên quan</i>
TK 152-A 55.000.000 đồng	1.000 kg vật liệu A x 55.000 đồng/kg
TK 2111: 1.200.000.000 đồng	Bao gồm: một dây chuyền sản xuất có thời gian sử dụng ước tính là 10 năm
TK 2141: 840.000.000 đồng	Khấu hao lũy kế của dây chuyền sản xuất tính tới ngày 1/11/N
TK 331_M: 10.000.000 đồng (Dư Nợ):	Ứng trước tiền người bán M cho hợp đồng số HĐ001 về việc mua 1.000kg nguyên vật liệu A, giá mua chưa thuế GTGT là 60.000 đồng/kg, thuế suất GTGT 10%, giao hàng vào ngày 5/11/N).

- Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

**Yêu cầu:** Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong tháng 11/N.

**1.b.1. Ngày 1/11**, nhận được toàn bộ lô nguyên vật liệu A theo hợp đồng HDO01 từ người bán M, công ty đã nhập kho đủ và chưa thanh toán số tiền còn nợ **(0,5 điểm)**

**1.b.2. Ngày 5/11**, công ty mua trả góp một thiết bị sản xuất về sử dụng được ngay với giá mua trả ngay chưa thuế GTGT là 360.000.000 đồng, thuế suất GTGT 10%, lãi trả góp không chịu thuế là 24.000.000 đồng. Công ty chuyển khoản trả trước 100.000.000 đồng, phần còn lại sẽ bắt đầu trả góp trong 18 tháng, bắt đầu từ tháng sau. Thiết bị trên có thời gian sử dụng ước tính 8 năm **(1,0 điểm)**

**1.b.3. Ngày 7/11**, chuyển khoản trả hết số tiền còn nợ cho người bán M sau khi được trừ 1% chiết khấu trên tổng số tiền còn nợ do thanh toán sớm. **(0,5 điểm)**

**1.b.4. Ngày 14/11**, chuyển khoản mua một máy phát điện với giá mua chưa thuế 24.000.000 đồng, thuế suất thuế GTGT 10%, sử dụng ngay tại phân xưởng sản xuất, thời gian phân bổ hợp lý cho máy này là 12 tháng, bắt đầu từ tháng này. **(0,5 điểm)**

**1.b.5. Ngày 15/11**, công ty chuyển khoản mua 15.000 cổ phiếu của công ty Z trên thị trường chứng khoán với mục đích kinh doanh, với giá mua 20.000 đồng/cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu). Phí môi giới 0.5% trên giá mua đã thanh toán bằng tiền mặt **(1,0 điểm)**

**1.b.6. Ngày 21/11**, xuất kho 1.500 kg nguyên vật liệu A để sản xuất sản phẩm. **(0,5 điểm)**

**1.b.7. Ngày 25/11**, công ty phát hành 1.000.000 cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, giá phát hành 15.000 đồng/cổ phiếu, thu bằng chuyển khoản. Chi phí phát hành 0,3% trên giá phát hành, thanh toán bằng tiền chuyển khoản. **(1,0 điểm)**

**1.b.8. Ngày 30/11**, kế toán tiến hành trích khấu hao TSCĐ tại phân xưởng sản xuất. **(0,5 điểm)**

**1.b.9. Ngày 30/11**, kế toán phân bổ chi phí sử dụng cho công cụ nhiều kỳ. **(0,5 điểm)**

**Đáp án (6,0 điểm)****Câu TL1****1.a.1. (0,5 điểm)**

<b>NỢ TK 242</b>	<b>23.400.000</b>	
<b>NỢ TK 133</b>	<b>2.340.000</b>	
<b>Có TK 112</b>		<b>25.740.000</b>

**1.a.2. (0,5 điểm)**

<b>NỢ TK 152A</b>	<b>120.000.000</b>	
<b>NỢ TK 133</b>	<b>12.000.000</b>	
<b>CÓ TK 331-M</b>		<b>132.000.000</b>

**1.a.3. (0,5 điểm)**

<b>NỢ TK 331-M</b>	<b>102.000.000</b>	
<b>CÓ TK 515</b>		<b>1.020.000</b>
<b>CÓ TK 112</b>		<b>100.980.000</b>

**1.a.4. (1,0 điểm)**

<b>NỢ TK 2112</b>	<b>360.000.000</b>	<b>ghi nhận đúng giá trị tài sản 0.5 điểm</b>
<b>NỢ TK 133</b>	<b>36.000.000</b>	
<b>NỢ TK 242</b>	<b>24.000.000</b>	<b>ghi nhận đúng lãi trả góp 0.5 điểm</b>
<b>CÓ TK 112</b>	<b>100.000.000</b>	
<b>CÓ TK 331</b>	<b>320.000.000</b>	

**1.a.5. (1,0 điểm)**

<b>NỢ TK 1211-Z</b>	<b>500.000.000</b>	<b>0.5 điểm</b>
<b>CÓ TK 112</b>	<b>500.000.000</b>	<b>(20.000x25.000)</b>

**PHÍ MÔI GIỚI**

<b>NỢ TK 1211-Z</b>	<b>2.500.000</b>	<b>0.5 điểm</b>
<b>CÓ TK 111</b>	<b>2.500.000</b>	<b>(0.5%x500.000.000)</b>

**1.a.6.. (0,5 điểm)**

<b>NỢ TK 621</b>	<b>115.000.000</b>	<b>(=500x110.000+500x120.000)</b>
<b>CÓ TK 152A</b>	<b>115.000.000</b>	

**1.a.7.. (1,0 điểm)**

<b>NỢ TK 112</b>	<b>13.000.000.000</b>	<b>(=1.000.000x13.000)</b>
------------------	-----------------------	----------------------------

CÓ TK 4111	10.000.000.000	(1.000.000x10.000)
CÓ TK 4112	3.000.000.000	
NỢ TK 4112	39.000.000	(0,3% x 13.000.000.000)
CÓ TK 112	39.000.000	

## 1.a.8. (0,5 điểm)

$$\text{KHẤU HAO CẦN TRÍCH} = (1.200.000.000/10 \times 12) + (360.000.000 \times 17 \text{ ngày} / 8 \times 12 \times 30)$$

$$= 12.125.000$$

NỢ TK 6274	12.125.000
CÓ TK 2141	12.125.000

## 1.a.9. (0,5 điểm)

NỢ TK 6273	1.300.000	(=23.400.000/18 THÁNG)
CÓ TK 242	1.300.000	

## Câu TL2

## 1.b.1. (0,5 điểm)

NỢ TK 152A	60.000.000
NỢ TK 133	6.000.000
CÓ TK 331-M	66.000.000

## 1.b.2. (1,0 điểm)

NỢ TK 2112	360.000.000	ghi nhận đúng giá trị tài sản 0.5 điểm
NỢ TK 133	36.000.000	
NỢ TK 242	24.000.000	ghi nhận đúng lãi trả góp 0.5 điểm
CÓ TK 112	100.000.000	
CÓ TK 331	320.000.000	

## 1.b.3. (0,5 điểm)

NỢ TK 331-M	56.000.000
CÓ TK 515	560.000
CÓ TK 112	55.440.000

## 1.b.4. (0,5 điểm)

NỢ TK 242	24.000.000
NỢ TK 133	2.400.000
Có TK 112	26.400.000

## 1.b.5. (1,0 điểm)

**NỢ TK 1211-Z 300.000.000 0.5 điểm**

**CÓ TK 112 300.000.000 (15.000X20.000)**

**PHÍ MÔI GIỚI**

**NỢ TK 1211-Z 1.500.000 0.5 điểm**

**CÓ TK 111 1.500.000 (0.5%x300.000.000)**

**1.b.6. (0,5 điểm)**

**NỢ TK 621 85.000.000 (=1.000x55.000+500x60.000)**

**CÓ TK 152A 85.000.000**

**1.b.7. (1,0 điểm)**

**NỢ TK 112 15.000.000.000 (=1.000.000x15.000)**

**CÓ TK 4111 10.000.000.000 (1.000.000x10.000)**

**CÓ TK 4112 5.000.000.000**

**NỢ TK 4112 30.000.000 (0,2% x 15.000.000.000)**

**CÓ TK 112 30.000.000**

**1.b.8. (0,5 điểm)**

**KHẤU HAO CẦN TRÍCH = (1.200.000.000/10x12)+(360.000.000x26ngày/8x12x30)**

**= 13.250.000**

**NỢ TK 6274 13.250.000**

**CÓ TK 2141 13.250.000**

**1.b.9. (0,5 điểm)**

**NỢ TK 6273 2.000.000 (=24.000.000/12 THÁNG)**

**CÓ TK 242 2.000.000**

*Ngày biên soạn: 6/11/2023*

**Giảng viên biên soạn đề thi:** ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng

**Giảng viên phản biện đề thi:** ThS. Lê Ngọc Anh

*Ngày kiểm duyệt:*

**Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi:** NCS.ThS. Nguyễn Thị Thu Vân

Sau khi kiểm duyệt đề thi, **Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn** gửi về Trung tâm Khảo thí qua email: [khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com) bao gồm file word và file pdf (được đặt password trên 1 file nén/lần gửi) và nhắn tin password + họ tên GV gửi qua Số điện thoại Thầy Phan Nhật Linh (**0918.01.03.09**).

Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ thêm Quý Thầy Cô.